

Số:2229/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 447/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

1. Cấp tỉnh:

- Ban hành mới 17 thủ tục hành chính (09 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực chăn nuôi và 08 thủ tục hành chính lĩnh vực thú y).

- Sửa đổi, bổ sung 08 thủ tục hành chính (02 thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi và 06 thủ tục hành chính lĩnh vực thú y), được công bố tại Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú

y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

2. Cấp xã: Ban hành mới 02 thủ tục hành chính.

(Danh mục thủ tục hành chính đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Thay thế các nội dung thủ tục hành chính công bố tại các số thứ tự 2, 4, Mục I; số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, Mục II Phần A ban hành kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 21/04/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Bãi bỏ nội dung công bố tại số thứ tự 1, 2 Mục I phần B ban hành kèm theo Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 21/04/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này làm cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật, cấu hình nội dung các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung được công bố theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Thực hiện tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp công khai);
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ LÍNH VỚI CHĂN NUÔI VÀ THỦ Y THỰC THÂM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV/C TT	Ghi chú
A	CẤP TỈNH								
I	Lĩnh vực Chăn nuôi								
1	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính	Không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 Nghị định 136/2025/NĐ-CP - Thông tư 09/2025-TT-BNNMT	Toàn tỉnh	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
2	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính	Không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 Nghị định 136/2025/NĐ-CP - Thông tư 09/2025-TT-BNNMT	Toàn tỉnh	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính	Không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 Nghị định 136/2025/NĐ-CP - Thông tư 09/2025-TT-BNNMT	Toàn tỉnh	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
4	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính	Không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 - Nghị định 136/2025/NĐ-CP - Thông tư 09/2025-TT-BNNMT	Toàn tỉnh	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính	Không	-Nghị định 13/2020/NĐ-CP -Nghị định 46/2022/NĐ-CP Nghị định 13/2020/NĐ-CP -Nghị định 136/2025/NĐ-CP; -Thông tư 09/2025/TT-BNNMT	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
6	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính	Không	-Nghị 13/2020/NĐ-CP -Nghị 46/2022/NĐ-CP Nghị 13/2020/NĐ-CP -Nghị 136/2025/NĐ-CP; -Thông 09/2025/TT-BNNMT	Toàn tỉnh	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính	Không	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14; -Nghị 13/2020/NĐ-CP; -Nghị 74/2018/NĐ-CP; Nghị 46/2022/NĐ-CP;	Toàn tỉnh	- Cục Chăn nuôi và Thú y tiếp tục thực hiện trực tuyến trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia đến hết ngày 31/12/2026

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
8	1.008125	Miễn giám kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	Không	- Luật Chăn nuôi 32/2018/QH14; - Nghị định 13/2020/NĐ-CP;	Toàn tỉnh	- UBND cấp tỉnh thực hiện trực tuyến từ ngày 31/12/202 6. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia, thực hiện trực tuyến trước ngày 31/12/202 6

- Cục Chăn nuôi và Thú y tiếp tục thực hiện

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
			được hồ sơ đầy đủ.	- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính		- Nghị định 46/2022/NĐ-CP; - Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Thông tư 09/2025/TT-BNNMT		trực tuyến trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia đến hết ngày 31/12/2026 - UBND cấp tỉnh thực hiện trực tuyến từ ngày 31/12/2026. 6. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia, thực hiện trực tuyến

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
									trước ngày 31/12/2026
9	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Thực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công dichvucong.gov.vn	Cơ quan được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao thực hiện TTHC	350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 - Nghị định 13/2020/NĐ-CP - Thông tư 24/2021/TT-BTC - Nghị định 24/2021/TT-BTC - Thông tư 09/2025/TT-BNNMT	Toàn trình	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
II Lĩnh vực Thú y									
1	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khâu nghiệm, xuất khâu, nhập khâu thuốc thú y)	- Trường hợp cấp mới: 5 ngày làm việc - Đối với trường hợp gia hạn: 03 ngày làm việc	Thực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Cơ quan được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao thực hiện TTHC	50.000 đồng/CCHN	-Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. -Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
				quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn			<p>-Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ</p> <p>-Thông tư số 09/2025/T-BNNMMT</p> <p>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính</p>		23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	03 ngày làm việc	<p>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn</p>	Cơ quan được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao thực hiện	50.000 đồng/CCHN	<p>Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội.</p> <p>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016</p> <p>-Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ</p> <p>-Thông tư số 09/2025/T-BNNMMT</p> <p>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính</p>	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
3	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	8 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.	Kiểm tra điều kiện nhập thuốc thú y, thuốc thú y thú y sản: 450.000 đồng/lần.	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025ND-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
4	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp	5 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	Không	<p>Nông Nghiệp và PTNT;</p> <p>1- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT;</p> <p>- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT;</p> <p>- Thông tư số 09/2025/TT-BNNPTNT; ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;</p>	Toàn tỉnh	Nội dung này được thực hiện theo Quyết

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
		bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)		- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.		- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/20258 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT; 1- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày		định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

ST T	Mã TT HC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
5	1.003703	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	1. Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức đã đăng ký hoặc thừa nhận: Xác nhận vào ấn đăng ký của người nhập khẩu: 01 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.	Phí kiểm tra chất lượng lô hàng đối với kiểm tra ngoại quan: 250.000 đồng /lô hàng; - Giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc (tùy theo từng chỉ tiêu kiểm nghiệm) quy	- Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP; - Nghị định 43/2017/NĐ-CP; - Nghị định 131/2025/NĐ-CP;	Một phần	-Cục Chăn nuôi và Thú y tiếp tục thực hiện trực tuyến trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia đến hết ngày 31/12/2026

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
			<p>2. Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định:</p> <p>2.1. Trường hợp hồ sơ đầy đủ: 01 ngày làm việc;</p> <p>2.2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp: 05 ngày làm việc;</p> <p>2.3. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ: 15 ngày làm việc;</p> <p>3. Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng:</p>			<p>định tại Thông tư số 283/2016/TT-BTC.</p>	<p>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 10/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC;</p>		<p>- UBND cấp tỉnh thực hiện trực tuyến từ ngày 31/12/2026. 6. Trường hợp UBND cấp tỉnh có hệ thống chuyên ngành kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia, thực hiện trực tuyến trước ngày 31/12/2026</p>

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
			3.1. Thông báo bằng văn bản yêu cầu hoàn thiện hồ sơ: 03 ngày làm việc; 3.2. Xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng: 05 ngày làm việc.						
6	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y đang được phẩm, vắc xin)	08 ngày làm việc	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.	- Cơ sở mới thành lập có 1 đây chuyên (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 đây chuyên (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 đây chuyên (hoặc 2 phân	- Luật 79/2015/QH13; -Nghị 35/2016/NĐ-CP; - Nghị định 136/2025/NĐ-CP; - Nghị 131/2025/NĐ-CP; - Nghị định 123/2018/NĐ-CP; - Nghị định 18/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT;	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
						<p>xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần.</p> <p>- Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 101/2020/TT-BTC; - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT 		
7	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin)	05 ngày làm việc	<p>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn</p>	<p>Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật 79/2015/QH13; - Nghị định 136/NĐ-CP; - Nghị định 131/2025/NĐ-CP; - Nghị định 35/2016/NĐ-CP - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 09/2025//TT-BNNMT; 	Toàn tỉnh	<p>Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</p>

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
8	1.011326	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm vắc xin)	05 ngày làm việc	Thực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Thực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	Nghị định số 105/2021/NĐ-CP; - Nghị định số 136/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT - Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT.	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc-xin)	05 ngày làm việc			Không		Một phần	
		Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc-xin)	15 ngày làm việc			Không			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
B									
CẤP XÃ									
I									
Lĩnh vực Chăn nuôi									
1	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, gang tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Trong thời hạn 20 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã - Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	- Nghị định 106/2024/NĐ-CP - Nghị định 131/2025/NĐ-CP - Thông tư 09/2025/TT-BNNMT	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.012837	Phê duyệt hồ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cả nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Trong thời hạn 20 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ chính đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã - Nộp trực tuyến tại địa chỉ	Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	- Nghị định 106/2024/NĐ-CP; - Nghị định 131/2025/NĐ-CP; - Thông tư 09/2025/TT-BNNMT	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DVC TT	Ghi chú
		bộ); chi phí mua bình chữa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phôi giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		https://dichvucong.gov.vn					của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV CTT	Ghi chú
A									
CẤP TỈNH									
I									
Lĩnh vực Chăn nuôi									
1	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trục tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan chuyên môn được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giảm	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 - Nghị định 13/2020/NĐ-CP - Thông tư 24/2021/TT-BTC - Nghị định 46/2022/NĐ-CP - Nghị định 136/2025/NĐ-CP - Thông tư 09/2025/TT-BNNMT	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV CTT	Ghi chú
2	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ xuất thức ăn chăn nuôi	Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan chuyên môn được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính	Thảm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 - Nghị định 13/2020/NĐ-CP - Thông tư 24/2021/TT-BTC - Nghị định 46/2022/NĐ-CP - Nghị định 136/2025/NĐ-CP - Thông tư 09/2025/TT-BNNMT	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV CTT	Ghi chú
II									
Lĩnh vực Thú y									
1	1.004022	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng thuốc thú y	05 ngày làm việc	Thực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao thực hiện TTHC	900.000 đồng/lần	- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; - Thông tư 09/2025/TT-BNNMT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ;	Toàn trình	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Thực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan chuyên môn được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao thực hiện TTHC	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chăn nuôi thú y Thông số	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV CTT	Ghi chú
3	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	3,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	Thực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Thực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao thực hiện TTHC	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC. - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV CNTT	Ghi chú
4	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	- Trong thời hạn 21 ngày	Thực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Thực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao thực hiện TTHC	- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Thông tư số 283/2016/TT-BTC - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	03 ngày làm việc	Thực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Thực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ dichvucong.gov.vn	Cơ quan được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao thực hiện TTHC	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV CTT	Ghi chú
						23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).			Nông nghiệp và Môi trường
6	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm đông vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	- Đối với động vật, sản phẩm đông vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch + Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu	Nộp hồ sơ trực tiếp tại: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản hoặc Trạm CNTS thuộc Chi cục được ủy quyền hoặc tại các cơ sở thủy sản giồng và thương phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Cơ quan được chủ tịch UBND cấp tỉnh giao thực hiện TTHC	- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y - Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chăn nuôi thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC;	Một phần	Nội dung này được thực hiện theo Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	DV CTT	Ghi chú
			<p>kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Đối với động vật thủy sản làm giồng xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch</p>						

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BẠI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
A	CẤP HUYỆN		
I	Lĩnh vực Thú y		
1	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.012837	Phê duyệt hồ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	